

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **469** /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày **29** tháng **11** năm **2016**

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa
sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Sông Mã (đoạn qua địa phận tỉnh Thanh Hóa) là vùng nước có tính đa dạng cao về hệ sinh thái thủy sinh, là khu vực sinh sống của nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao như cá Chiên, cá Lăng, cá Hòa, cá Úc,... Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hệ sinh thái sông Mã đang có nguy cơ bị phá hủy nghiêm trọng do các hoạt động phát triển kinh tế của con người, dẫn đến việc mất nơi cư trú, sinh sản, sinh sống và phát triển của nhiều loài thủy sản. Mặt khác, do tác động của biến đổi khí hậu, sông Mã thường xuyên phải đối mặt với ngập lụt, hạn hán và xâm nhập mặn của nước biển. Vì vậy, để từng bước bảo vệ, phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao; thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong việc quản lý, khai thác và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản; đồng thời, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020 thì việc lập Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 là cần thiết.

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; UBND tỉnh tổ chức lập dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 theo đúng trình tự, thủ tục quy định và ý kiến Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 26/11/2016 về việc đồng ý cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua nội dung dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

Trên cơ sở nội dung đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 248/TTr-SNN&PTNT ngày 25/11/2015, Công văn số 825/SNN&PTNT-KTBVNLTs ngày 05/4/2016 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 4308/SKHĐT-QH ngày 02/12/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh khóa XVII (Kỳ họp thứ hai) xem xét, thông qua nội dung dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Tên dự án: Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

II. Phạm vi dự án: Vùng nước nội địa sông Mã được nghiên cứu quy hoạch thuộc sông Mã, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua 118 xã, phường thuộc 14 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, bao gồm: Mường Lát (7 xã), Quan Hóa (12 xã), Bá Thước (11 xã), Cẩm Thủy (11 xã), Vĩnh Lộc (10 xã), Yên Định (19 xã), Thiệu Hóa (4 xã), thành phố Thanh Hóa (5 phường và 5 xã), Hoằng Hóa (9 xã), Quảng Xương (3 xã), thị xã Sầm Sơn (2 xã), Hậu Lộc (6 xã), Hà Trung (8 xã) và Nga Sơn (6 xã) đổ ra vịnh Bắc bộ theo 2 nhánh sông (nhánh phía Nam là sông Mã, nhánh phía Bắc là sông Lèn).

III. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

IV. Nội dung chính của quy hoạch:

1. Quan điểm phát triển:

- Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch tổng thể thủy lợi, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch giao thông đường thủy nội địa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thị xã, thành phố thuộc lưu vực sông Mã.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để quản lý, bảo vệ các nguồn lợi thủy sản, đa dạng của hệ sinh thái thủy sinh các khu vực vùng nước nội địa sông Mã.

- Bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài của toàn xã hội; đồng thời phải có chính sách, biện pháp nhằm bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản, phát triển nghề cá bền vững, bảo vệ sự đa dạng hệ sinh thái thủy sinh, chống ô nhiễm môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Phát triển khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã phải đảm bảo được sinh kế cộng đồng địa phương, đảm bảo an sinh xã hội, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã nhằm thiết lập và đưa vào hoạt động khu bảo tồn và phát triển bền vững sự phong phú, đa dạng về hệ sinh thái thủy sinh tại các vùng nước nội địa, đặc biệt là các giống loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao như cá Chiên, cá Lăng, cá Chép, cá Bống, cá Úc,..., khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học và các chức năng của hệ sinh thái, bảo vệ môi trường.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Thiết lập khu bảo tồn:

Thiết lập khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã đến năm 2025, với diện tích 10.021,88 ha, bao gồm: 17 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, có tổng diện tích 673,39 ha, được ký hiệu là SM1, SM2, SM3, SM4, SM5, SM6, SM7, SM8, SM9, SM10, SM11, SM12, SM13, SM14, SM15, SM16 và SM17; 11 vùng

phục hồi sinh thái, có tổng diện tích là 2.939,69 ha, được ký hiệu là PH1, PH2, PH3, PH4, PH5, PH6, PH7, PH8, PH9, PH10 và PH11 và vùng phát triển, có tổng diện tích là 6.408,8 ha; trong đó:

- Giai đoạn 2016-2020: Thiết lập và đưa vào bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã với tổng diện tích 9.636,26 ha, bao gồm: 10 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, được ký hiệu là SM3, SM4, SM5, SM6, SM11, SM12, SM13, SM15, SM16 và SM17, tổng diện tích 442,76 ha; 8 vùng phục hồi sinh thái, được ký hiệu là PH4, PH5, PH6, PH7, PH8, PH9, PH10 và PH11, tổng diện tích là 2.784,7 ha và vùng phát triển, tổng diện tích là 6.408,8 ha.

- Giai đoạn 2021-2025: Thiết lập và đưa vào bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã với tổng diện tích 6.794,42 ha, bao gồm: 7 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, được ký hiệu là SM1, SM2, SM7, SM8, SM9, SM10 và SM14, tổng diện tích 230,63ha; 3 vùng phục hồi sinh thái, được ký hiệu là PH1, PH2, PH3, tổng diện tích là 154,99 ha và vùng phát triển, tổng diện tích là 6.408,8 ha.

b) Bảo tồn các loài thủy sinh quý hiếm:

Bảo tồn 21 giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao thuộc sông Mã, gồm: cá Úc *Arius sinensis*, cá Chiên *Bagarius rutilus*, cá Bống đen Trung Hoa *Bostrichthys sinensis*, cá Chuối Hoa *Channa maculata*, cá Trôi Việt *Cirrhina molitorulla*, cá Mòi Cờ *Clupanodon thrissa*, cá Chép *Cyprinus carpio*, cá Mú Sao *Epinephelus fario*, cá Lăng *Hemibagrus guttatus*, cá Chạch sông *Mastacembelus armatus*, cá Dầu sông thân mỏng *Pseudohemiculter dispar*, cá Vền *Megalobrama terminalis*, cá Nhệch *Pisodonophis boro*, cá Thu ầu *Scomberomorus commerson*, cá Rầm xanh *Sinilabeo lemassoni*, cá Bống *Spinibarbus denticulatus*, cá Ngạnh *Cranoglanis henrici*, cua Ra *Eriocheir sinensis*, Chai *Oxynaia micheloti*, cua suối Kim Bôi *Ranguna kimboiensis* và một loài có giá trị văn hóa ẩm thực đặc biệt của tỉnh Thanh Hóa là Phi cầu Sài *Sanguinolaria diphos*; trong đó:

- Giai đoạn 2016-2020: Bảo tồn 19 giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, gồm: Cá Úc *Arius sinensis*, cá Chiên *Bagarius rutilus*, cá Bống đen Trung Hoa *Bostrichthys sinensis*, cá Chuối Hoa *Channa maculata*, cá Trôi Việt *Cirrhina molitorulla*, cá Mòi Cờ *Clupanodon thrissa*, cá Chép *Cyprinus carpio*, cá Mú Sao *Epinephelus fario*, cá Lăng *Hemibagrus guttatus*, cá Chạch sông *Mastacembelus armatus*, cá Vền *Megalobrama terminalis*, cá Nhệch *Pisodonophis boro*, cá Thu ầu *Scomberomorus commerson*, cá Bống *Spinibarbus denticulatus*, cá Ngạnh *Cranoglanis henrici*, cua Ra *Eriocheir sinensis*, Chai *Oxynaia micheloti*, cua suối Kim Bôi *Ranguna kimboiensis* và một loài có giá trị văn hóa ẩm thực đặc biệt của tỉnh Thanh Hóa là Phi cầu Sài *Sanguinolaria diphos* nhằm duy trì, bảo vệ, phát triển và khai thác lâu bền nguồn lợi.

- Giai đoạn 2021-2025: Ngoài bảo tồn 19 giống loài thủy sinh quý hiếm thời kỳ 2016-2020, cần bảo tồn 2 giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, gồm: cá Dầu sông thân mỏng *Pseudohemiculter dispar*, cá Rầm xanh *Sinilabeo lemassoni* nhằm duy trì, bảo vệ, phát triển và khai thác lâu bền nguồn lợi.

3. Nhiệm vụ quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã:

3.1. Định hướng quy hoạch các vùng chức năng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã:

Phạm vi khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã bao gồm toàn bộ diện tích mặt nước sông Mã với tổng diện tích 10.021,88 ha. Khu bảo tồn được chia thành các vùng chức năng, gồm:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Bao gồm 17 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, được ký hiệu là SM1, SM2, SM3, SM4, SM5, SM6, SM7, SM8, SM9, SM10, SM11, SM12, SM13, SM14, SM15, SM16 và SM17, với tổng cộng 33 tiểu vùng có tổng diện tích 673,39 ha. Tất cả 17 vùng này đều là bãi đẻ, khu vực sinh trưởng của các loài cá quý hiếm trong số các đối tượng được ưu tiên bảo tồn cũng như của một số loài cá khác (có tên trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 và Danh lục Đỏ IUCN 2012) có giá trị cao về kinh tế như cá Chiên, cá Lăng, cá Chép, cá Bống, cá Úc, cá Dầu sông thân mỏng, cá Rằm xanh,....

(Có phụ lục chi tiết số 01 kèm theo)

- Vùng phục hồi sinh thái nhóm thành từng cụm, mỗi cụm bao quanh một hoặc một số vùng bảo vệ nghiêm ngặt và kéo dài về hai phía thượng lưu và hạ lưu dọc theo dòng chính sông Mã khoảng 5 km. Toàn bộ khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã có 11 vùng phục hồi sinh thái, được ký hiệu là PH1, PH2, PH3, PH4, PH5, PH6, PH7, PH8, PH9, PH10 và PH11, với tổng diện tích là 2.939,69ha. Vùng phục hồi sinh thái vừa đảm bảo được các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao như cá Chiên, cá Lăng, cá Chép, cá Bống, cá Úc,... đến được bãi đẻ, khu vực sinh trưởng cũng như bảo vệ đường di cư sinh sản của các loài cá, vừa tạo điều kiện sinh thái, môi trường nước cho quá trình sinh sản, sinh trưởng và khả năng phát triển của nguồn giống trong khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

(Có phụ lục chi tiết số 02 kèm theo)

- Vùng phát triển là phần mặt nước còn lại của lưu vực sông Mã bao quanh các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng phục hồi sinh thái, với tổng diện tích 6.408,8 ha.

(Có phụ lục chi tiết số 03 kèm theo)

- Vùng dịch vụ - hành chính: Đặt tại Sờ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, thực hiện chức năng quản lý toàn bộ khu bảo tồn.

3.2. Định hướng quy hoạch phát triển du lịch sinh thái:

Để phát triển bền vững sự phong phú, đa dạng về hệ sinh thái thủy sinh khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, định hướng phát triển du lịch sinh thái khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã đến năm 2025, như sau:

3.2.1. Loại hình du lịch:

- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.
- Du lịch sinh thái kết hợp thăm quan các di tích văn hóa - lịch sử.
- Du lịch sinh thái kết hợp thực tập nghiên cứu.
- Du lịch hội thảo hội nghị.
- Du lịch sinh thái cộng đồng.

3.2.2. Các điểm du lịch:

- Cảnh quan thiên nhiên dọc hai bên bờ sông Mã, khu vực cửa Hới, khu vực chân cầu Hàm Rồng, khu vực núi Mỏ, suối Hón Tra,....

- Các di tích văn hóa lịch sử tín ngưỡng nổi tiếng dọc hai bờ sông như khu di tích lịch sử Lam Kinh (huyện Thọ Xuân), Thành nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc), suối Cá thần Cẩm Lương (huyện Cẩm Thủy), khu di tích lịch sử - văn hóa Hàm Rồng (thành phố Thanh Hóa), đền Cô Bơ (huyện Hà Trung).

- Các làng chài ven sông Mã.

- Các cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống dọc sông Mã: Mường, Thái, H' Mông, Dao,....

3.2.3. Các tuyến du lịch:

- Tuyến 1: Tuyến du thuyền đi ngắm cảnh dọc sông Mã kết hợp thăm quan hệ sinh thái rừng ven sông thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, Pù Luông.

- Tuyến 2: Tuyến du thuyền đi ngắm cảnh, thưởng thức các món ăn trên sông, thăm quan các di tích: khu di tích lịch sử Lam Kinh (huyện Thọ Xuân), Thành nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc), suối Cá thần Cẩm Lương (huyện Cẩm Thủy), khu di tích lịch sử - văn hóa Hàm Rồng (thành phố Thanh Hóa), đền Cô Bơ (huyện Hà Trung).

- Tuyến 3: Tuyến du thuyền đi ngắm cảnh, chiêm ngưỡng các cảnh quan đẹp như tại khu vực cửa Hới, cửa Lạch Sung, khu vực chân cầu Hàm Rồng, khu vực núi Mỏ (thị trấn Cẩm Thủy), suối Hón Tra,....

- Tuyến 4: Tuyến du lịch sinh thái Lạch Sung - đảo Nẹ.

- Tuyến 5: Tuyến thăm quan dọc sông Mã kết hợp nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thưởng thức các món ăn thủy hải sản trên thuyền.

- Tuyến 6: Tuyến du lịch sinh thái cộng đồng, tìm hiểu cuộc sống của cộng đồng ngư dân và các dân tộc thiểu số sinh sống dọc sông Mã.

- Tuyến 7: Khu vực lòng hồ thủy điện Hới Xuân - chùa Bà.

3.3. Định hướng quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng:

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trụ sở Ban quản lý để tổ chức làm việc của khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

- Đầu tư xây dựng trụ sở các trạm tuần tra bảo vệ, chốt bảo vệ các vùng của khu bảo tồn.

- Xây dựng hệ thống cột mốc (hoặc bằng hệ thống phao nổi), phân định ranh giới các vùng của khu bảo tồn.

- Trang bị phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý bảo vệ và nghiên cứu khoa học.

3.4. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư:

3.4.1. Các chương trình phát triển:

- Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Chương trình nghiên cứu khoa học.

- Chương trình quản lý, bảo tồn.

- Chương trình phát triển kinh tế cho cộng đồng địa phương.

- Chương trình phát triển du lịch sinh thái.

3.4.2. Các dự án ưu tiên đầu tư:

(Có phụ lục chi tiết số 04 kèm theo)

3.5. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

3.5.1. Giải pháp về vốn:

- Tổng nhu cầu đầu tư khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã đến năm 2025 là 88,97 tỷ đồng; trong đó: vốn ngân sách 13,42 tỷ đồng, chiếm khoảng 10-15% tổng vốn đầu tư, vốn doanh nghiệp và thành phần kinh tế khác 75,55 tỷ đồng, chiếm khoảng 85-90% tổng vốn đầu tư.

- Huy động các nguồn tài chính của các cấp và đóng góp của xã hội để đầu tư cho khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã. Ưu tiên đầu tư các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật, điều tra đa dạng sinh học, hỗ trợ xây dựng các mô hình quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

3.5.2. Giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp về cơ chế chính sách:

Xây dựng cơ chế, chính sách, xác định quyền quản lý và sử dụng, chia sẻ công bằng lợi ích từ các tài nguyên khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã thông qua việc xây dựng quy chế và cơ chế, bao gồm: Quyền quản lý sử dụng của cộng đồng dân cư ở một số vùng của khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã được thực hiện theo quy chế quản lý có sự tham gia của Ban quản lý khu bảo tồn với cộng đồng dân cư về thời gian, mùa vụ, địa điểm khai thác nguồn lợi thủy sản và tài nguyên của khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã trên cơ sở phù hợp với bảo tồn và sử dụng bền vững.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ:

Áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ cao để xây dựng và thực hiện có hiệu quả các dự án điều tra, nghiên cứu phục hồi các hệ sinh thái và quý hiếm làm cơ sở xác định, đề xuất các vùng bảo tồn và biện pháp bảo vệ cụ thể đối với từng vùng bảo tồn. Trước mắt tập trung điều tra, nghiên cứu đối với một số thủy vực có nhiều giống loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học, có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng cao.

c) Giải pháp về bảo vệ môi trường:

Cải thiện môi trường ở lưu vực sông Mã; phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ; nâng cao nhận thức trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo vệ đa dạng sinh học.

d) Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực:

Đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn, nâng cao trình độ hiểu biết trong lĩnh vực khoa học nhằm quản lý bền vững các vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, đồng thời duy trì đào tạo chuyên môn: quản lý, kỹ năng, kỹ thuật bảo tồn các đối tượng thủy sinh quý hiếm, phân loại học, sinh thái học. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác, đặc biệt tới cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu

bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã về lợi ích, trách nhiệm tham gia bảo vệ các vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

V. Tổ chức thực hiện quy hoạch:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Thông báo rộng rãi quy hoạch đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được biết và thực hiện quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa.

- Có trách nhiệm quản lý chỉ đạo trực tiếp Ban quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa tổ chức triển khai xây dựng quy chế quản lý thực hiện quy hoạch; phối hợp với các cơ sở nghiên cứu thực hiện công tác nghiên cứu khoa học về bảo tồn nguồn lợi, bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học và các chức năng hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ môi trường.

2. Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch; đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố vùng đệm:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt; tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng đệm có những hoạt động tích cực tham gia bảo vệ và phát triển khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã; xây dựng và thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự xâm hại của người dân ở vùng đệm vào khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

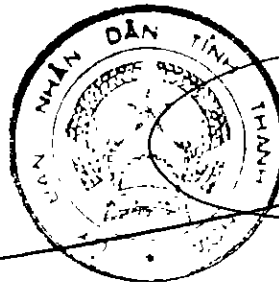
(Xin gửi kèm dự thảo Nghị quyết thông qua dự án và các tài liệu liên quan)

UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025./.

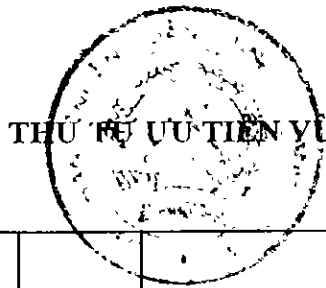
Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
 - Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
 - Lưu: VT, NN.
- } (để b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền



PHỤ LỤC SỐ 01
THƯ TIÊN ƯU TIỀN YUNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình số: **169** /TTr-UBND ngày **29/11/2016** của UBND tỉnh)

STT	Điểm (N0)	Địa điểm phân bố	Mô tả bằng tọa độ		Diện tích (ha)	Chiều dài sông (km)	Các loài cá cần bảo vệ trong danh mục hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã (theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ)
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	2	3	4	5	6	7	8
		Tổng số			673,39	44,871	
A		Giai đoạn 2016-2020			442,76	23,756	
I	SM3	Khu vực ngã ba sông Luồng - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa			8,18	1,104	cá Chiên, cá Chép
1	SM3.1	Khu vực thượng lưu tại ngã ba sông Luồng - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'36"-105 ⁰ 4'38"	20 ⁰ 24'15"-20 ⁰ 24'8"	2,18	0,552	
2	SM3.2	Khu vực hạ lưu tại ngã ba sông Luồng - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'38"-105 ⁰ 4'41"	20 ⁰ 24'15"-20 ⁰ 24'10"	6,00	0,552	
II	SM4	Khu vực sông Lò tại ngã ba sông Lò - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'59"-105 ⁰ 6'5"	20 ⁰ 22'48"-20 ⁰ 22'45"	10,63	0,903	cá Chép, cua suối Kim Bôi
3	SM4	Khu vực sông Lò tại ngã ba sông Lò - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'59"-105 ⁰ 6'5"	20 ⁰ 22'48"-20 ⁰ 22'45"	10,63	0,903	

1	2	3	4	5	6	7	8
III	SM5	Khu vực cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa			40,27	8,91	cá Chiên, cá Chạch sông, cá Trôi, cá Chép, cá Ngạnh, cá Bống
4	SM5.1	Khu vực bên hữu cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 8'43"-105 ⁰ 8'54"	20 ⁰ 22'7"-20 ⁰ 22'10"	12,73	0,939	
5	SM5.2	Khu vực bên tả cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 8'57"-105 ⁰ 9'3"	20 ⁰ 21'45"-20 ⁰ 21'59"	4,35	6,2	
6	SM5.3	Khu vực thượng lưu cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 9'2"-105 ⁰ 9'2"	20 ⁰ 21'43"-20 ⁰ 21'43"	23,19	1,771	
IV	SM6	Khu vực suối Hòn Tra, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	105 ⁰ 9'57"-105 ⁰ 10'3"	20 ⁰ 17'55"-20 ⁰ 17'53"	9,29	1,248	cá Chiên, cá Chép, cua suối Kim Bôi
7	SM6	Khu vực suối Hòn Tra, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	105 ⁰ 9'57"-105 ⁰ 10'3"	20 ⁰ 17'55"-20 ⁰ 17'53"	9,29	1,248	
V	SM11	Khu vực núi Mỗ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'54"-105 ⁰ 27'54"	20 ⁰ 13'20"-20 ⁰ 13'21"	3,28	0,823	cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Ngạnh
8	SM11	Khu vực núi Mỗ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'54"-105 ⁰ 27'54"	20 ⁰ 13'20"-20 ⁰ 13'21"	3,28	0,823	
VI	SM12	Khu vực bãi gian đá thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy			30,77	2,749	cá Chiên, cá Chép, Chai
9	SM12.1	Khu vực thượng lưu xã Cẩm Giang-Cẩm Tú-Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'55"-105 ⁰ 28'1"	20 ⁰ 13'18"-20 ⁰ 13'22"	25,89	2,267	
10	SM12.2	Khu vực bên hữu, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 28'36"-105 ⁰ 28'39"	20 ⁰ 13'13"-20 ⁰ 13'12"	4,88	0,482	

1	2	3	4	5	6	7	8
VII	SM13	Khu vực cồn Sành, xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa về 2 phía thượng lưu và hạ lưu			36,30	3,148	cá Chuối Hoa, cá Chiên, cá Trôi, cá Chép, cá Vền
11	SM13.1	Khu vực ngã ba Hà Sơn, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	105 ⁰ 45'29"-105 ⁰ 45'41"	19 ⁰ 57'37"-19 ⁰ 57'34"	3,49	0,688	
12	SM13.2	Khu vực thượng lưu, xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 45'52"-105 ⁰ 45'42"	19 ⁰ 57'37"-19 ⁰ 57'30"	5,68	0,949	
13	SM13.3	Khu vực hạ lưu, xã Định Công, huyện Yên Định	105 ⁰ 45'24"-105 ⁰ 45'26"	19 ⁰ 57'29"-19 ⁰ 57'33"	7,28	0,747	
14	SM13.4	Khu vực trung tâm cồn Sành, xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa	105 ⁰ 46'33"-105 ⁰ 46'35"	19 ⁰ 52'23"-19 ⁰ 52'23"	19,88	0,764	
VIII	SM15	Khu vực cửa Lạch Sung, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc từ cửa sông lên thượng nguồn			218,21	2,331	cá Úc, cua Ra, Phi câu Sài
15	SM15.1	Khu vực cửa Lạch Sung, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	106 ⁰ 0'5"-106 ⁰ 0'5"	19 ⁰ 57'45"-19 ⁰ 57'41"	79,51	1,295	
16	SM15.2	Khu vực cửa Lạch Sung, xã Nga Thủy, Nga Tân, huyện Nga Sơn	106 ⁰ 0'22"-106 ⁰ 0'22"	19 ⁰ 57'12"-19 ⁰ 57'12"	138,7	1,036	
IX	SM16	Khu vực cửa Lạch Trường, xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 56'20"-105 ⁰ 56'23"	19 ⁰ 53'26"-19 ⁰ 53'29"	30,31	1,56	cá Úc, cá Mú Sao, cá Nhệch, cua Ra, Phi câu Sài
17	SM16	Khu vực cửa Lạch Trường, xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 56'20"-105 ⁰ 56'23"	19 ⁰ 53'26"-19 ⁰ 53'29"	30,31	1,56	
X	SM17	Khu vực cửa Hới, xã Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 54'36"-105 ⁰ 54'44"	19 ⁰ 47'39"-19 ⁰ 47'38"	55,52	0,98	cá Úc, cá Bống đen Trung Hoa, cá Mòi Cờ, cá Nhệch, cá Thu ầu, cua Ra, Phi câu Sài
18	SM17	Khu vực cửa Hới, xã Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 54'36"-105 ⁰ 54'44"	19 ⁰ 47'39"-19 ⁰ 47'38"	55,52	0,98	
B		Giai đoạn 2021-2025			230,63	21,115	

1	2	3	4	5	6	7	8
I	SM1	Khu vực ngã ba suối Sim - sông Mã, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát			5,74	1,341	cá Chiên, cá Rằm xanh, cá Lăng
1	SM1.1	Khu vực thượng lưu ngã ba suối Sim - sông Mã, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát	104 ⁰ 29'10"-104 ⁰ 29'10"	20 ⁰ 32'0"-20 ⁰ 32'1"	3,95	0,688	
2	SM1.2	Khu vực hạ lưu ngã ba suối Sim - sông Mã, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát	104 ⁰ 29'13"-104 ⁰ 29'16"	20 ⁰ 32'3"-20 ⁰ 32'1"	1,79	0,653	
II	SM2	Khu vực chân cầu Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát			6,76	3,377	cá Chiên, cá Trắm, cá Chép, cá Rằm xanh, cá Lăng
3	SM2.1	Khu vực bên tả dưới chân cầu Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát	104 ⁰ 41'29"-104 ⁰ 42'23"	20 ⁰ 31'40"-20 ⁰ 31'35"	3,14	1,665	
4	SM2.2	Khu vực bên hữu dưới chân cầu Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát	104 ⁰ 41'28"-104 ⁰ 41'40"	20 ⁰ 31'39"-20 ⁰ 31'37"	3,62	1,712	
III	SM7	Khu vực thủy điện Bá Thước, xã Điện Lư, huyện Bá Thước			37,82	3,422	cá Lăng, cá Chiên, cá Chép, cá Bống
5	SM7.1	Khu vực thượng lưu thủy điện Bá Thước, xã Điện Lư, huyện Bá Thước	105 ⁰ 20'2"-105 ⁰ 20'15"	20 ⁰ 19'6"-20 ⁰ 19'31"	29,87	2,246	
6	SM7.2	Khu vực bên tả thủy điện Bá Thước, xã Điện Lư, huyện Bá Thước	105 ⁰ 20'5"-105 ⁰ 20'18"	20 ⁰ 19'3"-20 ⁰ 19'13"	7,95	1,176	
IV	SM8	Khu vực gò Phèn, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy			80,24	4,296	cá Chiên, cá Chạch sông, cá Ngạnh, cá Lăng
7	SM8.1	Khu vực bên hữu gò Phèn, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 23'22"-105 ⁰ 23'46"	20 ⁰ 14'29"-20 ⁰ 14'34"	15,71	1,573	
8	SM8.2	Khu vực bên tả gò Phèn, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 23'22"-105 ⁰ 23'30"	20 ⁰ 14'25"-20 ⁰ 14'27"	27,45	1,582	

1	2	3	4	5	6	7	8
9	SM8.3	Khu vực hạ lưu, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 25'41"-105 ⁰ 25'45"	20 ⁰ 14'45"-20 ⁰ 14'48"	37,08	1,141	
V	SM9	Khu vực gò Song, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy			66,74	4,463	cá Chiên, cá Lăng, cá Chạch sông, cá Bống
10	SM9.1	Khu vực gò Song, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 26'38"-105 ⁰ 26'45"	20 ⁰ 14'0"-20 ⁰ 13'54"	40,19	2,262	
11	SM9.2	Khu vực bên hữu, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 26'50"-105 ⁰ 26'53"	20 ⁰ 13'11"-20 ⁰ 13'10"	3,78	0,754	
12	SM9.3	Khu vực bên tả, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'27"-105 ⁰ 27'30"	20 ⁰ 13'33"-20 ⁰ 12'30"	22,77	1,447	
VI	SM10	Khu vực gò Chò, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'48"-105 ⁰ 27'46"	20 ⁰ 12'50"-20 ⁰ 12'55"	4,1	0,582	cá Chiên, cá Dầu sông thân mỏng, cá Ngạnh
13	SM10	Khu vực gò Chò, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'48"-105 ⁰ 27'46"	20 ⁰ 12'50"-20 ⁰ 12'55"	4,1	0,582	
VII	SM14	Khu vực chân cầu Hàm Rồng về thượng lưu và hạ lưu			29,23	3,634	cá Lăng, cá Trắm, cá Chép, cá Ngạnh, cua Ra
14	SM14.1	Khu vực núi Hàm Rồng, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa	105 ⁰ 47'0"-105 ⁰ 47'3"	19 ⁰ 51'10"-19 ⁰ 51'11"	11,93	1,817	
15	SM14.2	Khu vực Tào Xuyên, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa	105 ⁰ 47'11"-105 ⁰ 47'8"	19 ⁰ 51'12"-19 ⁰ 51'12"	17,3	1,817	

PHỤ LỤC SỐ 02
THỨ TỰ ƯU TIÊN VÙNG PHỤC HỒI SINH THÁI KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số **169** /TTr-UBND ngày **29/11/2016** của UBND tỉnh)

STT	Điểm (N0)	Mô tả bảng tọa độ		Diện tích (ha)	Chiều dài sông (km)
		Kinh độ	Vĩ độ		
		Tổng số		2.939,69	139,102
I		Giai đoạn 2016-2020		2.784,70	113,844
1	PH4	105 ⁰ 3'9"-105 ⁰ 9'3"	20 ⁰ 26'35"-20 ⁰ 20'50"	506,21	14,26
2	PH5	105 ⁰ 4'4"-105 ⁰ 4'3"	20 ⁰ 24'0"-20 ⁰ 23'58"	23,93	5,00
3	PH6	105 ⁰ 5'47"-105 ⁰ 5'50"	20 ⁰ 22'20"-20 ⁰ 22'18"	29,02	5,00
4	PH7	105 ⁰ 20'2"-105 ⁰ 17'44"	20 ⁰ 19'6"-20 ⁰ 20'40"	617,12	43,29
5	PH8	105 ⁰ 43'23"-105 ⁰ 43'29"	19 ⁰ 59'22"-19 ⁰ 59'24"	782,63	24,81
6	PH9	105 ⁰ 57'13"-105 ⁰ 57'13"	19 ⁰ 57'25"-19 ⁰ 59'27"	135,13	8,012
7	PH10	105 ⁰ 54'8"-105 ⁰ 56'58"	19 ⁰ 53'22"-19 ⁰ 53'29"	190,73	5,478
8	PH11	105 ⁰ 51'58"-105 ⁰ 54'15"	19 ⁰ 46'11"-19 ⁰ 46'48"	499,93	7,994
II		Giai đoạn 2021-2025		154,99	25,258
1	PH1	104 ⁰ 29'20"-104 ⁰ 29'31"	20 ⁰ 31'40"-20 ⁰ 31'5"	16,66	4,83
2	PH2	104 ⁰ 29'12"-104 ⁰ 29'15"	20 ⁰ 32'2"-20 ⁰ 32'0"	55,56	6,168
3	PH3	104 ⁰ 38'3"-104 ⁰ 38'3"	20 ⁰ 31'29"-20 ⁰ 31'31"	82,77	14,26

PHỤ LỤC SỐ 03
VÙNG PHÁT TRIỂN KHU BẢO TỒN NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ,
TỈNH THANH HOÁ ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 169/TT-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh)

Điểm (N0)	Kinh độ	Vĩ độ
1	104 ⁰ 29'5"	20 ⁰ 37'22"
2	105 ⁰ 58'20"	20 ⁰ 37'22"
3	104 ⁰ 29'5"	19 ⁰ 45'41"
4	105 ⁰ 58'20"	19 ⁰ 45'41"

PHỤ LỤC SỐ 04
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian KC-HT	Khái toán vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn
1	2	3	4	5	6
	Tổng số			88.970	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng của Ban quản lý, trụ sở tuần tra bảo vệ, chốt bảo vệ khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	610 m ²	2016-2020	7.010	Ngân sách
2	Xây dựng hệ thống phao đánh dấu mốc ranh giới phân vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	600 phao	2016-2020	3.000	Ngân sách
3	Trang bị phương tiện, trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Máy đo nhanh môi trường: 1, ống nhòm: 2; xuồng cao tốc: 2, ô tô: 1, xe máy: 3	2016-2020	3.410	Ngân sách
4	Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ cho khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Hàng năm tập huấn 1 đợt/năm, mỗi đợt 30-40 người	2016-2025	1.100	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
5	Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Hàng năm xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đa dạng sinh	2016-2025	300	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
6	Phục hồi đa dạng sinh học và các hệ sinh thái ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Các loài thủy sinh quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam cần bảo	2016-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
7	Xây dựng và tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường cho cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước và nguồn lợi thủy sản ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Định kỳ 1 đợt/năm	2016-2025	550	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu và trang thiết bị phục vụ hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Xây dựng tập Alát	2016-2020	3.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác

1	2	3	4	5	6
9	Quan trắc và giám sát đa dạng sinh học ở vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	10.021,88 ha	2016-2025	6.600	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
10	Nghiên cứu sinh học, sinh thái học của một số loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Các loài thủy sinh quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam cần bảo	2016-2020	5.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
11	Nghiên cứu thả cá giống góp phần khôi phục nguồn lợi thủy sản ở vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Cá Chiên, cá Chép, cá Lăng, cá Nhệch, cá Úc, cá Rầm xanh, cá Vền, cá Chuối Hoa, cá Chạch sông, cá Bống, cá	2016-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
12	Bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Các loài thủy sinh quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam cần bảo	2021-2025	6.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
13	Phát triển cộng đồng, tạo sinh kế bền vững trong và ngoài khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Cộng đồng dân cư trong và ngoài khu bảo tồn	2021-2025	8.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
14	Thử nghiệm và triển khai các mô hình nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	3 mô hình, mỗi mô hình nuôi 2-3 loài thủy sản	2016-2020	5.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
15	Phát triển nghề truyền thống trong vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Dệt, nhuộm thổ cẩm, thêu ren, mây tre đan, làm bánh,...	2021-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
16	Xây dựng và phát triển các mô hình du lịch sinh thái ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	3 mô hình du lịch (thăm quan, nghiên cứu khoa học)	2021-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng 11 năm 2016

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông
Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa đến năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2016 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /11/2016 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự án Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 với một số nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã nhằm thiết lập và đưa vào hoạt động khu bảo tồn và phát triển bền vững sự phong phú, đa dạng về hệ sinh thái thủy sinh tại các vùng nước nội địa, đặc biệt là các giống loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao như cá Chiên, cá Lăng, cá Chép, cá Bống, cá Úc,..., khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo vệ các giá trị về đa dạng sinh học và các chức năng của hệ sinh thái, bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thiết lập khu bảo tồn

Thiết lập khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã đến năm 2025, với diện tích 10.021,88 ha, bao gồm: 17 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, 11 vùng phục hồi sinh thái và vùng phát triển, trong đó:

- Giai đoạn 2016-2020: Thiết lập và đưa vào bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã với tổng diện tích 9.636,26 ha, bao gồm: 10 vùng bảo vệ nghiêm ngặt; 8 vùng phục hồi sinh thái và vùng phát triển.

- Giai đoạn 2021-2025: Thiết lập và đưa vào bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã với tổng diện tích 6.794,42 ha, bao gồm: 7 vùng bảo vệ nghiêm ngặt; 3 vùng phục hồi sinh thái và vùng phát triển.

2.2. Bảo tồn các loài thủy sinh quý hiếm

Bảo tồn 21 giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao thuộc sông Mã, gồm: cá Úc *Arius sinensis*, cá Chiên *Bagarius rutilus*, cá Bống đen Trung Hoa *Bostrichthys sinensis*, cá Chuối Hoa *Channa maculata*, cá Trôi Việt *Cirrhinus molitor*, cá Mòi Cờ *Clupanodon thrissa*, cá Chép *Cyprinus carpio*, cá Mú Sao *Epinephelus fario*, cá Lăng *Hemibagrus guttatus*, cá Chạch sông *Mastacembelus armatus*, cá Dầu sông thân mỏng *Pseudohemiculter dispar*, cá Vền *Megalobrama terminalis*, cá Nhệch *Pisodonophis boro*, cá Thu ầu *Scomberomorus commerson*, cá Rầm xanh *Sinilabeo lemasoni*, cá Bống *Spinibarbus denticulatus*, cá Ngạnh *Cranoglanis henrici*, cua Ra *Eriocheir sinensis*, Chai *Oxynaia micheloti*, cua suối Kim Bôi *Ranguna kimboiensis* và một loài có giá trị văn hóa ẩm thực đặc biệt của tỉnh Thanh Hóa là Phi câu Sỏi *Sanguinolaria diphos*; trong đó:

- Giai đoạn 2016-2020: Bảo tồn 19 giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, gồm: Cá Úc *Arius sinensis*, cá Chiên *Bagarius rutilus*, cá Bống đen Trung Hoa *Bostrichthys sinensis*, cá Chuối Hoa *Channa maculata*, cá Trôi Việt *Cirrhinus molitor*, cá Mòi Cờ *Clupanodon thrissa*, cá Chép *Cyprinus carpio*, cá Mú Sao *Epinephelus fario*, cá Lăng *Hemibagrus guttatus*, cá Chạch sông *Mastacembelus armatus*, cá Vền *Megalobrama terminalis*, cá Nhệch *Pisodonophis boro*, cá Thu ầu *Scomberomorus commerson*, cá Bống *Spinibarbus denticulatus*, cá Ngạnh *Cranoglanis henrici*, cua Ra *Eriocheir sinensis*, Chai *Oxynaia micheloti*, cua suối Kim Bôi *Ranguna kimboiensis* và một loài có giá trị văn hóa ẩm thực đặc biệt của tỉnh Thanh Hóa là Phi câu Sỏi *Sanguinolaria diphos* nhằm duy trì, bảo vệ, phát triển và khai thác lâu bền nguồn lợi.

- Giai đoạn 2021-2025: Ngoài bảo tồn 19 giống loài thủy sinh quý hiếm thời kỳ 2016-2020, cần bảo tồn 2 giống loài thủy sinh quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, gồm: cá Dầu sông thân mỏng *Pseudohemiculter dispar*, cá Rầm xanh *Sinilabeo lemasoni* nhằm duy trì, bảo vệ, phát triển và khai thác lâu bền nguồn lợi.

II. NHIỆM VỤ

1. Quy hoạch các khu bảo tồn

Phạm vi khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã bao gồm toàn bộ diện tích mặt nước sông Mã, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua 14 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh từ Mường Lát đổ ra vịnh Bắc bộ theo 2 nhánh sông (nhánh phía Nam là sông Mã, nhánh phía Bắc là sông Lèn) với tổng diện tích 10.021,88ha. Khu bảo tồn được chia thành các vùng chức năng, gồm:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Bao gồm 17 vùng bảo vệ nghiêm ngặt, được ký hiệu là SM1, SM2, SM3, SM4, SM5, SM6, SM7, SM8, SM9, SM10, SM11, SM12, SM13, SM14, SM15, SM16 và SM17, với tổng cộng 33 tiểu vùng có tổng diện tích 673,39 ha. *(Có phụ lục chi tiết số 01 kèm theo)*

- Vùng phục hồi sinh thái nhóm thành từng cụm, mỗi cụm bao quanh một hoặc một số vùng bảo vệ nghiêm ngặt và kéo dài về hai phía thượng lưu và hạ lưu dọc theo dòng chính sông Mã khoảng 5 km. Toàn bộ khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã có 11 vùng phục hồi sinh thái, được ký hiệu là PH1, PH2, PH3, PH4, PH5, PH6, PH7, PH8, PH9, PH10 và PH11, với tổng diện tích là 2.939,69ha. *(Có phụ lục chi tiết số 02 kèm theo)*

- Vùng phát triển là phần mặt nước còn lại của lưu vực sông Mã bao quanh các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng phục hồi sinh thái, với tổng diện tích 6.408,8 ha. *(Có phụ lục chi tiết số 03 kèm theo)*

- Vùng dịch vụ - hành chính: Đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, thực hiện chức năng quản lý toàn bộ khu bảo tồn.

2. Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái

2.1. Loại hình du lịch

- Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.
- Du lịch sinh thái kết hợp thăm quan các di tích văn hóa - lịch sử.
- Du lịch sinh thái kết hợp thực tập nghiên cứu.
- Du lịch hội thảo hội nghị.
- Du lịch sinh thái cộng đồng.

2.2. Các điểm du lịch

- Cảnh quan thiên nhiên dọc hai bên bờ sông Mã, khu vực cửa Hới, khu vực chân cầu Hàm Rồng, khu vực núi Mỏ, suối Hón Tra,....

- Các di tích văn hóa lịch sử tín ngưỡng nổi tiếng dọc hai bờ sông như khu di tích lịch sử Lam Kinh (huyện Thọ Xuân), Thành nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc), suối Cá thần Cẩm Lương (huyện Cẩm Thủy), khu di tích lịch sử - văn hóa Hàm Rồng (thành phố Thanh Hóa), đền Cô Bơ (huyện Hà Trung).

- Các làng chài ven sông Mã.

- Các cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống dọc sông Mã: Mường, Thái, H' Mông, Dao,....

2.3. Các tuyến du lịch

- Tuyến 1: Tuyến du thuyền đi ngắm cảnh dọc sông Mã kết hợp thăm quan hệ sinh thái rừng ven sông thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, Pù Luông.

- Tuyến 2: Tuyến du thuyền đi ngắm cảnh, thưởng thức các món ăn trên sông, thăm quan các di tích: khu di tích lịch sử Lam Kinh (huyện Thọ Xuân), Thành nhà Hồ (huyện Vĩnh Lộc), suối Cá thần Cẩm Lương (huyện Cẩm Thủy), khu di tích lịch sử - văn hóa Hàm Rồng (thành phố Thanh Hóa), đền Cô Bơ (huyện Hà Trung).

- Tuyến 3: Tuyến du thuyền đi ngắm cảnh, chiêm ngưỡng các cảnh quan đẹp như tại khu vực cửa Hới, cửa Lạch Sung, khu vực chân cầu Hàm Rồng, khu vực núi Mồ (thị trấn Cẩm Thủy), suối Hón Tra,....

- Tuyến 4: Tuyến du lịch sinh thái Lạch Sung - đảo Nẹ.

- Tuyến 5: Tuyến tham quan dọc sông Mã kết hợp nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thưởng thức các món ăn thủy hải sản trên thuyền.

- Tuyến 6: Tuyến du lịch sinh thái cộng đồng, tìm hiểu cuộc sống của cộng đồng ngư dân và các dân tộc thiểu số sinh sống dọc sông Mã.

- Tuyến 7: Khu vực lòng hồ thủy điện Hới Xuân - chùa Bà.

3. Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trụ sở Ban quản lý để tổ chức làm việc của khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

- Đầu tư xây dựng trụ sở các trạm tuần tra bảo vệ, chốt bảo vệ các vùng của khu bảo tồn.

- Xây dựng hệ thống cột mốc (hoặc bằng hệ thống phao nổi), phân định ranh giới các vùng của khu bảo tồn.

- Trang bị phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động quản lý bảo vệ và nghiên cứu khoa học.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Xây dựng cơ sở hạ tầng của Ban quản lý, trụ sở tuần tra bảo vệ, chốt bảo vệ khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

2. Xây dựng hệ thống phao đánh dấu mốc ranh giới phân vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

3. Trang bị phương tiện, trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

4. Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ cho khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

5. Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

6. Phục hồi đa dạng sinh học và các hệ sinh thái ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

7. Xây dựng và tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường cho cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước và nguồn lợi thủy sản ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

8. Xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu và trang thiết bị phục vụ hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

9. Quan trắc và giám sát đa dạng sinh học ở vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

10. Nghiên cứu sinh học, sinh thái học của một số loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

11. Nghiên cứu thả cá giống góp phần khôi phục nguồn lợi thủy sản ở vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

12. Bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

13. Phát triển cộng đồng, tạo sinh kế bền vững trong và ngoài khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

14. Thử nghiệm và triển khai các mô hình nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

15. Phát triển nghề truyền thống trong vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

16. Xây dựng và phát triển các mô hình du lịch sinh thái ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng cơ chế, chính sách, xác định quyền quản lý và sử dụng, chia sẻ công bằng lợi ích từ các tài nguyên khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã thông qua việc xây dựng quy chế và cơ chế, bao gồm: Quyền quản lý sử dụng của cộng đồng dân cư ở một số vùng của khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã được thực hiện theo quy chế quản lý có sự tham gia của Ban quản lý khu bảo tồn với cộng đồng dân cư về thời gian, mùa vụ, địa điểm khai thác nguồn lợi thủy sản và tài nguyên của khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã trên cơ sở phù hợp với bảo tồn và sử dụng bền vững.

2. Áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ cao để xây dựng và thực hiện có hiệu quả các dự án điều tra, nghiên cứu phục hồi các hệ sinh thái và quý hiếm làm cơ sở xác định, đề xuất các vùng bảo tồn và biện pháp bảo vệ cụ thể đối với từng vùng bảo tồn. Trước mắt tập trung điều tra, nghiên cứu đối với một số thủy vực có nhiều giống loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học, có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng cao.

3. Cải thiện môi trường ở lưu vực sông Mã; phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ; nâng cao nhận thức trách nhiệm và nghĩa vụ của người dân về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, bảo vệ đa dạng sinh học.

4. Đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn, nâng cao trình độ hiểu biết trong lĩnh vực khoa học nhằm quản lý bền vững các vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã, đồng thời duy trì đào tạo chuyên môn: quản lý, kỹ năng, kỹ thuật bảo tồn các đối tượng thủy sinh quý hiếm, phân loại học, sinh thái học. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác, đặc biệt tới cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã về lợi ích, trách nhiệm tham gia bảo vệ các vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã.

Điều 2. Giao UBND tỉnh căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật và Nghị quyết này tổ chức thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII kỳ họp thứ hai thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện có liên quan;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

PHỤ LỤC SỐ 01

THỨ TỰ ƯU TIÊN VÙNG BẢO VỆ NGHIÊM NGẶT KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Điểm (N0)	Địa điểm phân bố	Mô tả bằng tọa độ		Diện tích (ha)	Chiều dài sông (km)	Các loài cá cần bảo vệ trong danh mục hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã (theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 13/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ)
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	2	3	4	5	6	7	8
		Tổng số			673,39	44,871	
A		Giai đoạn 2016-2020			442,76	23,756	
I	SM3	Khu vực ngã ba sông Luồng - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa			8,18	1,104	cá Chiên, cá Chép
1	SM3.1	Khu vực thượng lưu tại ngã ba sông Luồng - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'36"-105 ⁰ 4'38"	20 ⁰ 24'15"-20 ⁰ 24'8"	2,18	0,552	
2	SM3.2	Khu vực hạ lưu tại ngã ba sông Luồng - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'38"-105 ⁰ 4'41"	20 ⁰ 24'15"-20 ⁰ 24'10"	6,00	0,552	
II	SM4	Khu vực sông Lò tại ngã ba sông Lò - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105⁰ 4'59"-105⁰ 6'5"	20⁰ 22'48"-20⁰ 22'45"	10,63	0,903	cá Chép, cua suối Kim Bôi
3	SM4	Khu vực sông Lò tại ngã ba sông Lò - sông Mã, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 4'59"-105 ⁰ 6'5"	20 ⁰ 22'48"-20 ⁰ 22'45"	10,63	0,903	

1	2	3	4	5	6	7	8
III	SM5	Khu vực cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa			40,27	8,91	cá Chiên, cá Chạch sông, cá Trôi, cá Chép, cá Ngạnh, cá Bống
4	SM5.1	Khu vực bên hữu cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 8'43"-105 ⁰ 8'54"	20 ⁰ 22'7"-20 ⁰ 22'10"	12,73	0,939	
5	SM5.2	Khu vực bên tả cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 8'57"-105 ⁰ 9'3"	20 ⁰ 21'45"-20 ⁰ 21'59"	4,35	6,2	
6	SM5.3	Khu vực thượng lưu cồn Thác Voi, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa	105 ⁰ 9'2"-105 ⁰ 9'2"	20 ⁰ 21'43"-20 ⁰ 21'43"	23,19	1,771	
IV	SM6	Khu vực suối Hòn Tra, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	105 ⁰ 9'57"-105 ⁰ 10'3"	20 ⁰ 17'55"-20 ⁰ 17'53"	9,29	1,248	cá Chiên, cá Chép, cua suối Kim Bôi
7	SM6	Khu vực suối Hòn Tra, xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	105 ⁰ 9'57"-105 ⁰ 10'3"	20 ⁰ 17'55"-20 ⁰ 17'53"	9,29	1,248	
V	SM11	Khu vực núi Mỏ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'54"-105 ⁰ 27'54"	20 ⁰ 13'20"-20 ⁰ 13'21"	3,28	0,823	cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Ngạnh
8	SM11	Khu vực núi Mỏ, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'54"-105 ⁰ 27'54"	20 ⁰ 13'20"-20 ⁰ 13'21"	3,28	0,823	
VI	SM12	Khu vực bãi gian đá thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy			30,77	2,749	cá Chiên, cá Chép, Chai
9	SM12.1	Khu vực thượng lưu xã Cẩm Giang-Cẩm Tú-Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'55"-105 ⁰ 28'1"	20 ⁰ 13'18"-20 ⁰ 13'22"	25,89	2,267	
10	SM12.2	Khu vực bên hữu, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 28'36"-105 ⁰ 28'39"	20 ⁰ 13'13"-20 ⁰ 13'12"	4,88	0,482	

1	2	3	4	5	6	7	8
VII	SM13	Khu vực cồn Sành, xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa về 2 phía thượng lưu và hạ lưu			36,30	3,148	cá Chuối Hoa, cá Chiên, cá Trôi, cá Chép, cá Vền
11	SM13.1	Khu vực ngã ba Hà Sơn, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	105 ⁰ 45'29"-105 ⁰ 45'41"	19 ⁰ 57'37"-19 ⁰ 57'34"	3,49	0,688	
12	SM13.2	Khu vực thượng lưu, xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 45'52"-105 ⁰ 45'42"	19 ⁰ 57'37"-19 ⁰ 57'30"	5,68	0,949	
13	SM13.3	Khu vực hạ lưu, xã Định Công, huyện Yên Định	105 ⁰ 45'24"-105 ⁰ 45'26"	19 ⁰ 57'29"-19 ⁰ 57'33"	7,28	0,747	
14	SM13.4	Khu vực trung tâm cồn Sành, xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa	105 ⁰ 46'33"-105 ⁰ 46'35"	19 ⁰ 52'23"-19 ⁰ 52'23"	19,88	0,764	
VIII	SM15	Khu vực cửa Lạch Sung, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc từ cửa sông lên thượng nguồn			218,21	2,331	cá Úc, cua Ra, Phi câu Sài
15	SM15.1	Khu vực cửa Lạch Sung, xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	106 ⁰ 0'5"-106 ⁰ 0'5"	19 ⁰ 57'45"-19 ⁰ 57'41"	79,51	1,295	
16	SM15.2	Khu vực cửa Lạch Sung, xã Nga Thủy, Nga Tân, huyện Nga Sơn	106 ⁰ 0'22"-106 ⁰ 0'22"	19 ⁰ 57'12"-19 ⁰ 57'12"	138,7	1,036	
IX	SM16	Khu vực cửa Lạch Trường, xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 56'20"-105 ⁰ 56'23"	19 ⁰ 53'26"-19 ⁰ 53'29"	30,31	1,56	cá Úc, cá Mú Sao, cá Nhệch, cua Ra, Phi câu Sài
17	SM16	Khu vực cửa Lạch Trường, xã Hoằng Yến, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 56'20"-105 ⁰ 56'23"	19 ⁰ 53'26"-19 ⁰ 53'29"	30,31	1,56	
X	SM17	Khu vực cửa Hới, xã Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 54'36"-105 ⁰ 54'44"	19 ⁰ 47'39"-19 ⁰ 47'38"	55,52	0,98	cá Úc, cá Bống đen Trung Hoa, cá Mòi Cờ, cá Nhệch, cá Thu ấu, cua Ra, Phi câu Sài
18	SM17	Khu vực cửa Hới, xã Hoằng Châu, huyện Hoằng Hóa	105 ⁰ 54'36"-105 ⁰ 54'44"	19 ⁰ 47'39"-19 ⁰ 47'38"	55,52	0,98	
B		Giai đoạn 2021-2025			230,63	21,115	

1	2	3	4	5	6	7	8
I	SM1	Khu vực ngã ba suối Sim - sông Mã, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát			5,74	1,341	cá Cbiên, cá Rằm xanb, cá Lãng
1	SM1.1	Khu vực thượng lưu ngã ba suối Sim - sông Mã, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát	104 ⁰ 29'10"-104 ⁰ 29'10"	20 ⁰ 32'0"-20 ⁰ 32'1"	3,95	0,688	
2	SM1.2	Khu vực hạ lưu ngã ba suối Sim - sông Mã, xã Tén Tàn, huyện Mường Lát	104 ⁰ 29'13"-104 ⁰ 29'16"	20 ⁰ 32'3"-20 ⁰ 32'1"	1,79	0,653	
II	SM2	Khu vực chân cầu Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát			6,76	3,377	cá Cbiên, cá Trầm, cá Chép, cá Rằm xanb, cá Lãng
3	SM2.1	Khu vực bên tả dưới chân cầu Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát	104 ⁰ 41'29"-104 ⁰ 42'23"	20 ⁰ 31'40"-20 ⁰ 31'35"	3,14	1,665	
4	SM2.2	Khu vực bên hữu dưới chân cầu Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát	104 ⁰ 41'28"-104 ⁰ 41'40"	20 ⁰ 31'39"-20 ⁰ 31'37"	3,62	1,712	
III	SM7	Khu vực thủy điện Bá Thước, xã Điền Lư, huyện Bá Thước			37,82	3,422	cá Lãng, cá Chiên, cá Chép, cá Bổng
5	SM7.1	Khu vực thượng lưu thủy điện Bá Thước, xã Điền Lư, huyện Bá Thước	105 ⁰ 20'2"-105 ⁰ 20'15"	20 ⁰ 19'6"-20 ⁰ 19'31"	29,87	2,246	
6	SM7.2	Khu vực bên tả thủy điện Bá Thước, xã Điền Lư, huyện Bá Thước	105 ⁰ 20'5"-105 ⁰ 20'18"	20 ⁰ 19'3"-20 ⁰ 19'13"	7,95	1,176	
IV	SM8	Khu vực gò Phèn, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy			80,24	4,296	cá Cbiên, cá Bạch sông, cá Nganb, cá Lãng
7	SM8.1	Khu vực bên hữu gò Phèn, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 23'22"-105 ⁰ 23'46"	20 ⁰ 14'29"-20 ⁰ 14'34"	15,71	1,573	
8	SM8.2	Khu vực bên tả gò Phèn, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 23'22"-105 ⁰ 23'30"	20 ⁰ 14'25"-20 ⁰ 14'27"	27,45	1,582	

1	2	3	4	5	6	7	8
9	SM8.3	Khu vực hạ lưu, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 25'41"-105 ⁰ 25'45"	20 ⁰ 14'45"-20 ⁰ 14'48"	37,08	1,141	
V	SM9	Khu vực gò Song, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy			66,74	4,463	cá Chiên, cá Lăng, cá Chạch sông, cá Bống
10	SM9.1	Khu vực gò Song, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 26'38"-105 ⁰ 26'45"	20 ⁰ 14'0"-20 ⁰ 13'54"	40,19	2,262	
11	SM9.2	Khu vực bên hữu, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 26'50"-105 ⁰ 26'53"	20 ⁰ 13'11"-20 ⁰ 13'10"	3,78	0,754	
12	SM9.3	Khu vực bên tả, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'27"-105 ⁰ 27'30"	20 ⁰ 13'33"-20 ⁰ 12'30"	22,77	1,447	
VI	SM10	Khu vực gò Chỏ, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'48"-105 ⁰ 27'46"	20 ⁰ 12'50"-20 ⁰ 12'55"	4,1	0,582	cá Chiên, cá Dầu sông thân mỏng, cá Ngạnh
13	SM10	Khu vực gò Chỏ, xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy	105 ⁰ 27'48"-105 ⁰ 27'46"	20 ⁰ 12'50"-20 ⁰ 12'55"	4,1	0,582	
VII	SM14	Khu vực chân cầu Hàm Rồng về thượng lưu và hạ lưu			29,23	3,634	cá Lăng, cá Trắm, cá Chép, cá Ngạnh, cua Ra
14	SM14.1	Khu vực núi Hàm Rồng, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa	105 ⁰ 47'0"-105 ⁰ 47'3"	19 ⁰ 51'10"-19 ⁰ 51'11"	11,93	1,817	
15	SM14.2	Khu vực Tào Xuyên, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa	105 ⁰ 47'11"-105 ⁰ 47'8"	19 ⁰ 51'12"-19 ⁰ 51'12"	17,3	1,817	

PHỤ LỤC SỐ 02

**THỦ TỰ ƯU TIÊN VÙNG PHỤC HỒI SINH THÁI KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Điểm (N0)	Mô tả bằng tọa độ		Diện tích (ha)	Chiều dài sông (km)
		Kinh độ	Vĩ độ		
	Tổng số			2.939,69	139,102
I	Giai đoạn 2016-2020			2.784,70	113,844
1	PH4	105 ⁰ 3'9"-105 ⁰ 9'3"	20 ⁰ 26'35"-20 ⁰ 20'50"	506,21	14,26
2	PH5	105 ⁰ 4'4"-105 ⁰ 4'3"	20 ⁰ 24'0"-20 ⁰ 23'58"	23,93	5,00
3	PH6	105 ⁰ 5'47"-105 ⁰ 5'50"	20 ⁰ 22'20"-20 ⁰ 22'18"	29,02	5,00
4	PH7	105 ⁰ 20'2"-105 ⁰ 17'44"	20 ⁰ 19'6"-20 ⁰ 20'40"	617,12	43,29
5	PH8	105 ⁰ 43'23"-105 ⁰ 43'29"	19 ⁰ 59'22"-19 ⁰ 59'24"	782,63	24,81
6	PH9	105 ⁰ 57'13"-105 ⁰ 57'13"	19 ⁰ 57'25"-19 ⁰ 59'27"	135,13	8,012
7	PH10	105 ⁰ 54'8"-105 ⁰ 56'58"	19 ⁰ 53'22"-19 ⁰ 53'29"	190,73	5,478
8	PH11	105 ⁰ 51'58"-105 ⁰ 54'15"	19 ⁰ 46'11"-19 ⁰ 46'48"	499,93	7,994
II	Giai đoạn 2021-2025			154,99	25,258
1	PH1	104 ⁰ 29'20"-104 ⁰ 29'31"	20 ⁰ 31'40"-20 ⁰ 31'5"	16,66	4,83
2	PH2	104 ⁰ 29'12"-104 ⁰ 29'15"	20 ⁰ 32'2"-20 ⁰ 32'0"	55,56	6,168
3	PH3	104 ⁰ 38'3"-104 ⁰ 38'3"	20 ⁰ 31'29"-20 ⁰ 31'31"	82,77	14,26

PHỤ LỤC SỐ 03
VÙNG PHÁT TRIỂN KHU BẢO TỒN NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ,
TỈNH THANH HOÁ ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điểm (N0)	Kinh độ	Vĩ độ
1	104 ⁰ 29'5"	20 ⁰ 37'22"
2	105 ⁰ 58'20"	20 ⁰ 37'22"
3	104 ⁰ 29'5"	19 ⁰ 45'41"
4	105 ⁰ 58'20"	19 ⁰ 45'41"

PHỤ LỤC SỐ 04

**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ KHU BẢO TỒN VÙNG NƯỚC NỘI ĐỊA SÔNG MÃ,
TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Quy mô	Thời gian KC-HT	Khái toán vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn
1	2	3	4	5	6
	Tổng số			88.970	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng của Ban quản lý, trụ sở tuần tra bảo vệ, chốt bảo vệ khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	610 m ²	2016-2020	7.010	Ngân sách
2	Xây dựng hệ thống phao đánh dấu mốc ranh giới phân vùng khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	600 phao	2016-2020	3.000	Ngân sách
3	Trang bị phương tiện, trang thiết bị phục vụ quản lý bảo vệ ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Máy đo nhanh môi trường: 1, ống nhòm: 2; xuồng cao tốc: 2, ô tô: 1, xe máy: 3	2016-2020	3.410	Ngân sách
4	Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ cho khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Hàng năm tập huấn 1 đợt/năm, mỗi đợt 30-40 người	2016-2025	1.100	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
5	Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Hàng năm xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đa dạng sinh	2016-2025	300	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
6	Phục hồi đa dạng sinh học và các hệ sinh thái ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Các loài thủy sinh quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam cần bảo	2016-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
7	Xây dựng và tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường cho cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước và nguồn lợi thủy sản ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Định kỳ 1 đợt/năm	2016-2025	550	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu và trang thiết bị phục vụ hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Xây dựng tập Alát	2016-2020	3.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác

1	2	3	4	5	6
9	Quan trắc và giám sát đa dạng sinh học ở vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	10.021,88 ha	2016-2025	6.600	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
10	Nghiên cứu sinh học, sinh thái học của một số loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế cao ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Các loài thủy sinh quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam cần bảo	2016-2020	5.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
11	Nghiên cứu thả cá giống góp phần khôi phục nguồn lợi thủy sản ở vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Cá Chiên, cá Chép, cá Lăng, cá Nhệch, cá Úc, cá Rầm xanh, cá Vền, cá Chuối Hoa, cá Chạch sông, cá Bống, cá	2016-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
12	Bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Các loài thủy sinh quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam cần bảo	2021-2025	6.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
13	Phát triển cộng đồng, tạo sinh kế bền vững trong và ngoài khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Cộng đồng dân cư trong và ngoài khu bảo tồn	2021-2025	8.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
14	Thử nghiệm và triển khai các mô hình nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	3 mô hình, mỗi mô hình nuôi 2-3 loài thủy sản	2016-2020	5.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
15	Phát triển nghề truyền thống trong vùng quy hoạch khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	Dệt, nhuộm thổ cẩm, thêu ren, mây tre đan, làm bánh,...	2021-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác
16	Xây dựng và phát triển các mô hình du lịch sinh thái ở khu bảo tồn vùng nước nội địa sông Mã	3 mô hình du lịch (thăm quan, nghiên cứu khoa học)	2021-2025	10.000	Doanh nghiệp+các thành phần kinh tế khác